

Kh¹ a h c :	L p h c : 35CCĐ3	N¹ m h c : 2013-2014	ñ VHT : 4 (60,0,0,0,0,0)
H ñT :	H c ph n : 131017200801 - C h c L t ñ ñ a c h t	H c km : HK01	

[illegible]

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CCĐ3 N h c : 2013-2014 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 131017200801 - C h c L t ã ã a c t H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñI M THI	QUY TS : 70%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011756	35CLC1-CĐ	B ãi Tr ng	H u	24/07/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
21	3571010680	35CCĐ2	D Thanh	Kha	20/01/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3471010165	34CCD6	V H D u y	Khánh	27/07/1991				5.0	6.0	7.0	6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	
23	3571011210	35CCĐ3	Phan V ã Minh	Luân	09/12/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
24	3571010283	35CCĐ4	ñ H ã ng	M nh	27/05/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
25	3571010674	35CLC1-CĐ	Tr nh D u y	M nh	10/03/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3471010208	34CCD5	ñ ng H ° a	Minh	11/08/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3571010292	35CCĐ4	Tr n H ng	Nam	24/04/1992				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
28	3471010239	34CCD1	Phan Tr ng	Nhu n	27/04/1992				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
29	3571010044	35CCĐ2	Phan Th	Phong	18/04/1993				7.0	5.0	5.0	5.7	1.7	2.0	1.4	3.1	
30	3571010581	35CLC1-CĐ	Tr n Kh c	Quang	20/04/1992				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	3.5	2.5	4.7	
31	3571010185	35CCĐ4	Tr ng Do - n	Quân	10/10/1993				7.0	6.0	7.0	6.7	2.0	0.0	0.0	2.0	N HP
32	3571010639	35CCĐ4	Nguy n Danh	S n	01/10/1993				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	5.3	3.7	5.8	
33	3571010155	35CCĐ3	Nguy n C » ng	Tám	06/03/1993				7.0	6.0	6.0	6.3	1.9	5.5	3.9	5.8	
34	3571010183	35CLC1-CĐ	ñ Thanh	Tân	08/05/1993				7.0	6.0	7.0	6.7	2.0	3.5	2.5	4.5	
35	3571010299	35CCĐ4	Nguy n Ch ã nh	Tín	10/03/1991				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
36	3571010004	35CLC1-CĐ	Ph m Minh	Tu n	29/07/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
37	3471010376	34CCD6	Tr n Ho ã ng	Tu n	21/12/1992				5.0	6.0	7.0	6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
38	3571010275	35CCĐ2	Phan V ã	Tu	24/04/1993				5.0	7.0	0.0	4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CCĐ3 N ấ m h c : 2013-2014 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 131017200801 - C h c L t ấ ấ a ch t H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấI M THI	QUY TS : 70%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010255	35CCĐ1	Tr n Thanh	Tùng	11/01/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
40	3571010270	35CCĐ4	Tr n Ng c	Thanh	18/03/1993				8.0	7.0	6.0	7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
41	3571010332	35CCĐ4	Tr n Thanh B°	Thanh	00/00/1993				7.0	5.0	6.0	6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
42	3471010286	34CCD6	Tr ng ấ c	Thanh	01/10/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
43	3571011158	35CCĐ1	Lê Xuân	Thành	30/04/1992				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	5.0	3.5	5.7	
44	3571010349	35CCĐ4	Phan Công	Thành	/ /1993				7.0	6.0	5.0	6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
45	3571010273	35CCĐ4	Ph m Thanh	Th nh	24/05/1993				8.0	7.0	7.0	7.3	2.2	6.0	4.2	6.4	
46	3471010330	34CCD7	Võ	Th nh	01/01/1992				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	3.0	2.1	4.1	
47	3571010732	35CLC1-CĐ	Bùi Duy	Tr ng	19/10/1993				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	1.0	0.7	2.6	
48	3571010125	35CCĐ3	Nguy n Tr n Th	Vinh	08/04/1993				6.0	7.0	6.0	6.3	1.9	6.3	4.4	6.3	

T ng s : 48 h c sinh sinh vĩ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng KhoaGi o Vĩ n B M ầ nGi o V Khoa